

Bản án số: 523/2024/DS-PT

Ngày: 11-11-2024

V/v: Tranh hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Văn Thịnh

Các thẩm phán: ông Hồ Văn Cường

ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2024/TLPT-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Do Bản án số 122/2024/DS-ST, ngày 10 tháng 09 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 524/2024/QĐXXPT-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Huỳnh D, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số nhà B, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Công A, sinh năm: 1953 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1955; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh năm: 1977; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A, bà M, chị Y: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1961; địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (hợp đồng ủy quyền ngày 08-4-2024 và 17-4-2024), có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số B, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng.

3. Người kháng cáo: ông Mai Huỳnh D là nguyên đơn và ông Huỳnh Công A, bà Nguyễn Thị M là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn - anh Mai Huỳnh D trình bày:* Ngày 29/4/2023, anh và ông Á, bà M thỏa thuận sang nhượng phần đất ngang 10m x dài 55m tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với giá 300.000.000 đồng/10m ngang. Ngày 29/4/2023, anh đặt cọc cho ông Á, bà M số tiền 100.000.000 đồng; hẹn 03 tháng sau sẽ nhờ địa chính xuống đo đạc để làm thủ tục giao đất. Do đất chưa được cấp giấy CNQSD nên chỉ mua bán bằng giấy tay. Ngày 11/6/2023, ông Á, bà M yêu cầu anh giao thêm số tiền 190.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần anh đã đặt cọc và giao tiền mua đất cho ông Á, bà M là 290.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, đến ngày 29/7/2023, giao đất và anh giao thêm 10.000.000 đồng nữa là đủ tiền.

Đúng 03 tháng anh đến nhà yêu cầu ông Á, bà M giao đất thì ông bà né tránh và không chịu gặp anh nên anh tự đo cắm ranh đất thì tháng 8/2023, ông Á, bà M có đơn thưa anh ở xã nói anh cướp đất. Nay anh yêu cầu ông Á, bà M trả anh tiền cọc 290.000.000 đồng, tiền phạt cọc 290.000.000 đồng, sau đó anh rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Á, bà M trả số tiền 290.000.000 đồng.

Ngày 29-12-2023, anh làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị Y trả số tiền đã mượn là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn - ông Huỳnh Công Á trình bày:* ông và anh D không có mối quan hệ quen biết. Từ trước đến nay ông và anh D không thực hiện bất cứ giao dịch gì về việc vay tiền, chuyển nhượng đất đai với anh D. Sau này xảy ra tranh chấp ông mới nghe con gái ông là chị Y và vợ ông là bà M kể lại. Phần đất vườn mà anh D đề cập tới hiện gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc chị Y vay tiền của anh D nhưng anh D yêu cầu chị Y, bà M viết giấy đặt cọc mua bán đất là để bảo đảm số tiền vay. Đến hạn trả tiền, chị Y không trả được nên anh D ép chị Y, bà M viết đã nhận thêm tiền. Sau đó, anh D tự ý đến phần đất của ông để cắm trụ, làm rào, cắm bảng nên ông ngăn cản và báo với chính quyền địa phương giải quyết. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh D.

- *Bị đơn - bà Nguyễn Thị M trình bày:* bà là mẹ của chị Y, là vợ của ông Á. Bà và anh D không có mối quan hệ quen biết. Thông qua con gái là chị M1 thì bà và chị Y mới biết anh D cho vay tiền lấy lãi. Chị Y đang cần tiền nên hỏi vay anh D. Khoảng tháng 4/2023, chị Y vay anh D 40.000.000 đồng. Khi vay tiền, anh D yêu cầu chị Y và bà phải viết giấy nhận cọc mua bán đất để làm tin mới đồng ý giao tiền, bà có ký giấy nhận cọc bán đất. Đến hạn trả nợ, chị Y không có tiền để trả được cho anh D nên bà và chị Y đến nhà anh D thương lượng thì bị anh D đóng cửa, ép buộc chị Y phải viết giấy nhận thêm tiền. Do chị Y vay tiền của anh D nên bà và chị Y phải ký giấy tờ giả cách để làm tin. Ông Á không biết việc này. Sau này khi xảy ra tranh chấp bà và chị Y mới nói cho ông Á biết. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh D, còn việc chị Y vay anh D 40.000.000 đồng thì chị Y trả cho anh D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Huỳnh Thị Ngọc Y trình bày:* chị là con gái của ông Á, bà M. Thông qua em gái chị mới biết anh D là người cho vay tiền. Vào cuối tháng 4/2023, chị đã vay tiền của anh D 40.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 20.000 đồng/ngày, tức 800.000 đồng/ngày/40.000.000 đồng, thời gian vay là 10 ngày. Khi vay tiền anh D yêu cầu chị và bà M phải viết giấy đặt cọc mua

bán đất để làm tin mới giao tiền, chị có ký giấy này. Đến hạn chị không có tiền trả cho anh D nên anh D gọi chị và bà M tới nhà đóng cửa, đe dọa và ép chị phải viết nhận tiếp tiền đặt cọc mua bán đất. Thực tế, gia đình chị không thực hiện bất cứ giao dịch gì về việc nhận tiền cọc, mua bán, chuyển nhượng đất đai với anh D. Cha chị là ông A không biết và không liên quan đến việc này; sau khi xảy ra tranh chấp ông A mới biết. Chị đồng ý trả cho anh D số tiền đã vay là 40.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:*

Chị là vợ của anh Mai Huỳnh Dzu . Ngày 29/4/2023, vợ con ông A là bà M và chị M1 đến nhà tìm anh D để bàn chuyện mua bán đất. Anh D không có nhà, đang đi làm rẫy nên nhờ con trai chị là Mai Huỳnh D1 dắt xuống rẫy. Mẹ con bà M đã bàn bạc với anh D xong về việc mua bán phần đất. Sau đó, anh D có bàn bạc với chị về việc mua phần đất của ông A, bà M với giá 300.000.000 đồng và chị đồng ý. Anh D đã xuống nhà bà M, ông A để làm hợp đồng đặt cọc. Sau đó, ngày 11/6/2023, bà M, chị Y đã lên nhà gặp anh D để xin nhận thêm số tiền 190.000.000 đồng và có viết giấy thêm số tiền vào giấy có chị và mẹ chồng chị ở nhà làm chứng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2024/DS-ST ngày 10-9-2024 của Tòa án nhân thị xã H, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 122, 123, 131, 407, 463, 466 và Điều 500 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 188 và Điều 203 của Luật đất đai. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Huỳnh D đối với ông Huỳnh Công A, bà Nguyễn Thị M.

- Tuyên bố Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhận tiền đặt cọc ngày 29-4-2023 giữa anh Mai Huỳnh D với ông Huỳnh Công A, bà Nguyễn Thị M vô hiệu.

- Buộc ông Huỳnh Công A, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho anh M Huỳnh D số tiền đặt cọc và mua bán đất là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Huỳnh D với ông Huỳnh Công A, bà Nguyễn Thị M đối với số tiền bồi thường thiệt hại 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Đương sự được quyền khởi kiện lại một phần vụ án đình chỉ theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Huỳnh D đối với chị Huỳnh Thị Ngọc Y.

Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Y trả cho anh M Huỳnh D số tiền vay 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 24-9-2024 anh Mai Huỳnh D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông A và bà M bồi thường thiệt hại cho anh số tiền 200.000.000 đồng.

- Ngày 20-09-2024 ông Huỳnh Công Á và bà Nguyễn Thị M kháng cáo không đồng ý trả 290.000.000 đồng cho anh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho bị đơn và chị Y cho rằng chị Y và bà M bị ép ký giấy nhận tiền cọc, không phải tự nguyện ký và cũng không có việc thỏa thuận chuyển nhượng đất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh D, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà M, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Á; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà M trả cho anh D số tiền 100.000.000 đồng, do bà M ký nhận số tiền này; đối với số tiền 190.000.000 đồng bà M không ký nhận nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D về khoản tiền này; những nội dung khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên đơn kháng cáo của các đương sự hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết giữa anh D và bà M vào ngày 29/4/2023 được lập bằng văn bản, có chị Y là con gái của bà M làm chứng, chị Y viết giấy thỏa thuận cho bà M ký. Theo giấy “thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhận tiền cọc” (gọi tắt là giấy đặt cọc) thì bà M nhận cọc của anh D với số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 29/4/2023; phía dưới mặt trước và mặt sau của giấy này còn có các hàng chữ viết chèn với nội dung “hôm nay ngày 11/6/2023 tôi có nhận số tiền em D2 số tiền 190.000.000 đ, tổng cộng trước sau 290.000.000 đ, còn lại 10.000.000 đồng tới ngày 29/7/2023 đưa 10.000.000 đ là đủ”. Căn cứ vào giấy đặt cọc ngày 29/4/2023 này anh D khởi kiện yêu cầu bà M và ông Á trả số tiền cọc 290.000.000 đồng. Còn bà M, chị Y khẳng định do chị Y muốn vay 40.000.000 đồng của anh D nên anh D ép phải ký giấy nhận cọc mới cho vay tiền.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà M cho rằng không có việc thỏa thuận chuyển nhượng đất cho anh D và nhận tiền cọc nhưng chứng cứ là giấy đặt cọc do anh D xuất trình thể hiện bà M có ký nhận cọc của anh D 100.000.000 đồng vào

ngày 29/4/2023, bà M thừa nhận làm giấy nhận cọc tiền bán đất tại nhà của bà, bà có ký. Chị Y thừa nhận chị là người viết giấy và ký người làm chứng, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định và giải quyết quan hệ tranh chấp về hợp đồng đặt cọc là có căn cứ; không đủ căn cứ để cho rằng việc ký hợp đồng đặt cọc là giả tạo như bà M, chị Y trình bày.

[3] Anh D cho rằng anh nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng bà M nên anh giao tiền cho bà M 02 lần tổng cộng 290.000.000 đồng; ông A không ký mà chị Y ký thay, phần chữ viết phía dưới mặt trước và mặt sau của giấy đặt cọc thể hiện nội dung nhận thêm 190.000.000 đồng là của chị Y viết. Bà M chỉ thừa nhận ngày 29/4/2023 bà có ký vào giấy đặt cọc theo yêu cầu của anh D; còn phần nội dung chị Y ghi thêm vào ngày 11/6/2023 bà không ký, không nhận tiền. Xét thấy, ngày 29/4/2023 bà M có ký nhận cọc của anh D số tiền 100.000.000 đồng; nội dung này có chị Y ký làm chứng; không có chứng cứ nào thể hiện sự ép buộc hay giả tạo. Người đại diện hợp pháp cho bị đơn và chị Y cho rằng chị Y và bà M bị ép ký giấy nhận tiền cọc, không phải tự nguyện ký và cũng không có việc thỏa thuận chuyển nhượng đất. Tuy nhiên, đó cũng chỉ là lời trình bày của một bên; bà M cũng như chị Y không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tại các thời điểm ký hợp đồng cọc vào ngày 29/4/2023 và ký nhận thêm tiền ngày 11/6/2023 bà M cũng như chị Y không trình báo cơ quan có thẩm quyền; mãi đến tháng 7/2023 khi anh D đến rào đất thì gia đình bà M mới đến nhờ UBND phường L giải quyết. Do giấy đặt cọc ngày 29/4/2023 bà M ký bên nhận cọc, nên bà M phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng cho anh D.

Còn ngày 11/6/2023 chị Y ghi có nhận thêm của anh D số tiền 190.000.000 đồng, không có chữ ký của bà M và bà M cũng không thừa nhận có nhận tiền nên không có cơ sở buộc bà M trả số tiền này, yêu cầu khởi kiện này của anh D không được chấp nhận.

[4] Đối với ông A, do không tham gia vào việc ký kết nhận cọc và nhận tiền cũng như không biết việc thỏa thuận chuyển nhượng đất nên không có trách nhiệm trong việc hoàn trả tiền cọc cho anh D.

[5] Anh D kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn bồi thường 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thỏa thuận đặt cọc giữa anh D và bà M để chuyển nhượng đối với đất chưa được cấp giấy chứng nhận và chỉ có một mình bà M ký là trái pháp luật, bị vô hiệu theo quy định tại Điều 123 của BLDS. Lỗi làm cho việc đặt cọc vô hiệu đều thuộc về hai bên nên không ai có trách nhiệm bồi thường cho ai. Hơn nữa, tại cấp sơ thẩm anh D cũng chỉ yêu cầu đòi lại tiền cọc, không yêu cầu phạt cọc, nên kháng cáo của anh D không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà M là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên được miễn. Ông A không phải chịu án phí. Anh D phải chịu án phí trên số tiền

không được chấp nhận theo mức có giá ngạch. Chị Y phải chịu án phí theo mức có giá ngạch trên số tiền phải trả cho anh D.

[7] Về chi phí tố tụng: việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc định giá đất trên cơ sở có yêu cầu của anh D. Hơn nữa, việc đo đạc, định giá đất là không cần thiết cho việc giải quyết về tranh chấp hợp đồng đặt cọc trong vụ án này nên trách nhiệm chịu chi phí này là của anh D; Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông A, bà M phải chịu là không chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc xem có cần thiết tiến hành đo đạc, định giá trong vụ án này và các trường hợp tương tự để tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ án và thiệt hại cho đương sự.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh D, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà M, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận, nên sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh D không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí theo luật định; các đương sự khác không phải chịu án phí.

[9] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Công A, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Huỳnh D; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 123, Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Huỳnh D đối với bà Nguyễn Thị M.

- Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho anh M Huỳnh D số tiền đặt cọc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D về việc yêu cầu ông Huỳnh Công A, bà Nguyễn Thị M trả số tiền 190.000.000 đồng và yêu cầu ông A có trách nhiệm cùng bà M trả tiền đặt cọc.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Huỳnh D với ông Huỳnh Công A, bà Nguyễn Thị M đối với số tiền bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng.

1.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Huỳnh D đối với chị Huỳnh Thị Ngọc Y.

Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Y trả cho anh M Huỳnh Dzu số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Về chi phí tố tụng: anh D phải chịu 12.681.000 (mười hai triệu sáu trăm tám mươi một nghìn) đồng chi phí đo đạc, thẩm định và định giá (ghi nhận anh D đã nộp và đã chi xong).

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Công Á, bà Nguyễn Thị M được miễn.
- Chị Huỳnh Thị Ngọc Y phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng.
- Anh Mai Huỳnh D phải chịu 9.500.000 đồng; khấu trừ 7.550.000 (bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng từ số tiền tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu số 0010524 ngày 03-11-2023 và 1.000.000 (một triệu) đồng theo biên lai thu số 0010739 ngày 02-01-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh D phải tiếp tục nộp số tiền 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh D phải chịu 300.000 đồng; được trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo anh D đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thi số 0011482, ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

Các đương sự khác không phải chịu án phí.

3. Những phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh TN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TX Hòa Thành;
- CCTHADS TX Hòa Thành ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa Dân sự;
- Tổ HCTP-VP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh